

**CÔNG TY CỔ
PHẦN - VIỆN
NGHIÊN CỨU
DỆT MAY**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN -
VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY
DN: CN=CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN
NGHIÊN CỨU DỆT MAY, O=MST:
0100100294, L=1, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2020-03-16 17:12:33
Foxit Reader Version: 9.7.1

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May tiền thân là Viện Dệt May được thành lập theo Quyết định số 24/CP ngày 05/02/1969 của Hội đồng Chính phủ, tên ban đầu là Viện Công nghiệp Dệt và Sợi. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định 4553/QĐ-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công thương và được xác định giá trị doanh nghiệp lần thứ nhất theo Quyết định 1814/QĐ-BCT ngày 22/5/2017 về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý để cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100294 ngày 10/10/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo đó, vốn điều lệ của công ty là 50.000.000.000 VND (*Năm mươi tỷ đồng*), trong đó:

- Vốn Nhà nước: 28.727.000.000 VND tương đương 57,45%
- Người lao động: 2.563.000.000 VND tương đương 5,13%
- Cổ đông khác: 18.710.000.000 VND tương đương 37,42%

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETNAM TEXTILE RESEARCH INSTUTE - JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: VTRI.

Trụ sở chính của Công ty: số 478 Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Chi nhánh Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May tại thành phố Hồ Chí Minh có địa chỉ tại số 345/128A Trần Hưng Đạo, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc điều hành trong suốt năm tài chính và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Phạm Văn Lượng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Sỹ Phương	Giám đốc
Ông Tống Đức Quang	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



PHẠM VĂN LƯỢNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Số: 160/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
của Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May****Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May, được lập ngày 09 tháng 03 năm 2020, từ trang 6 đến trang 22, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 10/10/2018 nhưng chưa có quyết định phê duyệt bản giao công ty cổ phần. Ngày 11/9/2019, UBCK Nhà nước đã có công văn số 5472/UBCK-GSDC về việc đăng ký đại chúng của Công ty.



Phan Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

A blue signature of Nguyễn Thị Ngọc Châm.

Nguyễn Thị Ngọc Châm
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.195.417.459	64.841.266.101
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	10.473.568.005	13.903.222.141
1. Tiền	111		6.300.943.957	11.955.951.598
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.172.624.048	1.947.270.543
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.400.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.02	6.400.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.668.014.512	20.089.203.969
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.03	10.878.872.232	11.091.502.528
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.04	-	201.649.965
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.05	8.789.142.280	8.796.051.476
III. Hàng tồn kho	140		2.916.046.279	5.738.947.832
1. Hàng tồn kho	141	5.06	2.916.046.279	5.738.947.832
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	5.07	7.737.788.663	25.109.892.159
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		484.532.305	332.897.279
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		7.253.256.358	24.776.994.880
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.209.165.054	28.928.887.512
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
I. Tài sản cố định	220		27.209.165.054	28.928.887.512
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.08	27.168.665.054	28.928.887.512
- Nguyên giá	222		69.582.115.749	67.021.201.781
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.413.450.695)	(38.092.314.269)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.09	40.500.000	-
- Nguyên giá	228		178.780.000	133.780.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(138.280.000)	(133.780.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		74.404.582.513	93.770.153.613

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31/12/2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.844.256.629	17.833.459.776
I. Nợ ngắn hạn	310		13.844.256.629	17.833.459.776
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	750.439.832	2.457.770.244
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	146.185.961	999.344.787
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	4.852.362.302	6.803.130.938
4. Phải trả người lao động	314		1.398.817.125	664.210.325
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	5.988.307.459	6.190.858.732
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		708.143.950	718.144.750
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		60.560.325.884	75.936.693.837
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	52.080.510.296	50.426.096.346
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.080.510.296	426.096.346
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		426.096.346	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.654.413.950	426.096.346
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		8.479.815.588	25.510.597.491
1. Nguồn kinh phí	431	5.15	8.479.815.588	25.510.597.491
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		74.404.582.513	93.770.153.613

Người lập biểu



Phạm Hoàng Minh

Kế toán trưởng



Tổng Đức Quang

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Văn Lượng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Tại ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019 VND	Kỳ hoạt động từ 10/10/2018 đến 31/12/2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	65.531.238.433	15.578.549.905
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		65.531.238.433	15.578.549.905
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	51.626.856.955	13.032.324.526
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.904.381.478	2.546.225.379
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	292.740.506	118.423.158
7. Chi phí tài chính	22		37.994.359	8.577.173
8. Chi phí bán hàng	25		66.480.000	15.776.721
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		12.413.259.342	2.068.633.166
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.679.388.283	571.661.477
11. Thu nhập khác	31		279.172.747	3.002.516
12. Chi phí khác	32		419.079.874	25
13. Lợi nhuận khác	40	6.04	(139.907.127)	3.002.491
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.539.481.156	574.663.968
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.05	-	114.932.794
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.539.481.156	459.731.174

Người lập biểu



Phạm Hoàng Minh

Kế toán trưởng



Tống Đức Quang

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Văn Lượng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

Kỳ hoạt động

từ 10/10/2018

đến 31/12/2018

VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		70.714.548.514	11.602.174.542
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(37.432.688.145)	(5.607.223.172)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.656.857.125)	(3.428.098.673)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(26.287.478)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		23.008.386.721	6.449.697.840
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(45.299.747.185)	(8.531.326.270)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(666.357.220)	458.936.789
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.882.524.275)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		79.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		40.227.359	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.763.296.916)	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7.347.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(7.347.350)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.429.654.136)	451.589.439
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.01	13.903.222.141	13.452.730.375
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(1.097.673)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.01	10.473.568.005	13.903.222.141

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Phạm Hoàng Minh

Tổng Đức Quang

Phạm Văn Lượng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Lịch sử phát triển

Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May tiền thân là Viện Dệt May được thành lập theo Quyết định số 24/CP ngày 05/02/1969 của Hội đồng Chính phủ, tên ban đầu là Viện Công nghiệp Dệt và Sợi. Công ty được cổ phần hóa theo theo Quyết định số 4553/QĐ-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công thương và được xác định giá trị doanh nghiệp lần thứ nhất theo Quyết định 1814/QĐ-BCT ngày 22/5/2017 về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý để cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100294 ngày 10/10/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo đó, vốn điều lệ của công ty là 50.000.000.000 VND (*Năm mươi tỷ đồng*), trong đó:

- Vốn Nhà nước: 28.727.000.000 VND tương đương 57,45%
- Người lao động: 2.563.000.000 VND tương đương 5,13%
- Cổ đông khác: 18.710.000.000 VND tương đương 37,42%

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETNAM TEXTILE RESEARCH INSTUTE - JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: VTRI.

Người đại diện theo pháp luật từ ngày 10/10/2018: Ông Phạm Văn Lượng - Chủ tịch Hội đồng quản trị
Trụ sở chính của công ty: số 478 Phố Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Chi nhánh Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May tại thành phố Hồ Chí Minh có địa chỉ tại số 345/128A Trần Hưng Đạo, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực hoạt động

Thực hiện chức năng, hoạt động của Công ty chuyên ngành dệt may, cụ thể:

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Sản xuất sợi, sản xuất vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- May trang phục, sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải;
- Bán buôn vải hàng may mặc, giấy dép;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
- Bán buôn hóa chất công nghiệp, tơ, xơ, sợi dệt;
- Hoạt động tư vấn về quy trình giám định các loại hàng hóa, công nghệ quy trình kiểm soát và tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn, chất lượng và trách nhiệm xã hội;
- Hoạt động chuyển giao công nghệ bao gồm: Môi giới chuyển giao công nghệ; Định giá công nghệ; Giám định công nghệ;
- Hoạt động thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác;
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm từ lông thú.
- Các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh.

10/1
G T
H H
TOA
ETN
N O

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Phải thu của khách hàng: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, cung cấp dịch vụ..

Phải thu khác: phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Nguyên tắc kế toán và hao mòn Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013. Thông Tư 147 hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi TT 45 về trích khấu hao tài sản cố định hiệu lực từ 28/11/2016 và Thông tư 28/2016/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ, quản lý, sử dụng, và trích khấu hao TSCĐ.

Tài sản cố định hữu hình

Nhà cửa vật kiến trúc
Phương tiện vận tải
Máy móc thiết bị

Thời gian khấu hao (năm)

06-35

06-10

03-10

Tài sản cố định vô hình

Phần mềm, ứng dụng
TSCĐ vô hình khác

03-05

03-05

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như: người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, đã bán, dịch vụ đã hoàn thành trong kỳ. Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.



Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của Công ty bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Công ty được hưởng ưu đãi về Thuế TNDN trong lĩnh vực hoạt động, sản xuất kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ theo Nghị định 13/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Công ty được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B 09-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.325.611.713	521.044.046
Tiền gửi ngân hàng	4.975.332.244	11.434.907.552
Các khoản tương đương tiền	4.172.624.048	1.947.270.543
- Tiền gửi có kỳ hạn	4.172.624.048	1.947.270.543
Cộng	10.473.568.005	13.903.222.141

5.02 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	6.400.000.000	-
Cộng	6.400.000.000	-

5.03 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tiến Đạt	1.054.515.000	1.277.561.956
Công ty Cổ phần Canifa	2.800.837.488	327.429.520
Công ty TNHH Giang Nguyên	1.206.767.760	-
Công ty TNHH MTV New - Star	-	11.088.000
Công ty TNHH SX và TM dịch vụ Hải Châu JEIL Vina	300.005.200	882.618.880
Cục kiểm định Hải Quan	1.575.000	43.100.000
Viện công nghiệp giấy và Xenlulô	-	99.057.000
Công ty Cổ Phần Dệt May 29/3	-	12.159.675
Công ty TNHH Albetta International (Việt Nam)	-	106.187.570
Công ty TNHH AVERY DENNISON RIS Việt Nam	344.351.700	76.923.000
Công ty TNHH DALUEN (Việt Nam)	90.170.520	356.580
Công ty TNHH Công nghiệp Dệt Huge - Bamboo	35.752.860	89.917.327
Công ty Cổ phần S.Y VINA	-	58.300.000
Cục Công nghiệp	-	1.965.803.787
Công ty TNHH một thành viên X20 Nam Định	1.632.025.720	1.089.604.248
Công ty TNHH vải sợi Khúc Tân	-	1.285.153.465
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	300.000.000	-
Công ty Scavi Huế	313.285.500	-
Công ty Cổ phần Maison Retail Management International	169.400.000	-
Công ty TNHH May mặc Leading Star Việt Nam	144.755.325	55.009.350
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện	137.500.000	-
Công ty TNHH Miniso Việt Nam	112.318.250	-
Phải thu các đối tượng khác	2.235.611.909	3.711.232.170
Cộng	10.878.872.232	11.091.502.528

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**5.04 Trả trước người bán ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH TUV Rheinland Việt Nam	-	499.455
Công ty CP Dệt Sợi Damsan	-	201.150.510
Cộng	-	201.649.965

5.05 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tạm ứng nhân viên	51.500.000	58.430.000
Phải thu về cổ phần hóa	8.737.621.476	8.737.621.476
Phải thu khác	20.804	-
Tổng	8.789.142.280	8.796.051.476

5.06 Hàng tồn kho

Đơn vị: VND

	31/12/2019 VND		01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.124.630.490	-	4.786.701.233	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	95.564.208	-	-	-
Thành phẩm	695.851.581	-	939.246.599	-
Hàng hóa	-	-	13.000.000	-
Tổng	2.916.046.279	-	5.738.947.832	-

5.07 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	484.532.305	332.897.279
Tài sản ngắn hạn khác <Chi sự nghiệp>	7.253.256.358	24.776.994.880
Tổng	7.737.788.663	25.109.892.159

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.08 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2019	40.093.396.561	24.282.688.791	2.110.000.000	535.116.429	67.021.201.781
Tăng trong năm	-	2.882.524.275	-	-	2.882.524.275
Mua trong năm	-	2.882.524.275	-	-	2.882.524.275
Giảm trong năm	-	321.610.307	-	-	321.610.307
Thanh lý	-	321.610.307	-	-	321.610.307
Số dư tại ngày 31/12/2019	40.093.396.561	26.843.602.759	2.110.000.000	535.116.429	69.582.115.749
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2019	25.682.440.219	10.787.883.840	1.271.923.328	350.066.882	38.092.314.269
Tăng trong năm	1.476.337.284	2.718.422.107	228.168.816	49.916.376	4.472.844.583
Khấu hao trong năm	1.476.337.284	2.718.422.107	228.168.816	49.916.376	4.472.844.583
Giảm trong năm	-	151.708.157	-	-	151.708.157
Thanh lý	-	151.708.157	-	-	151.708.157
Số dư tại ngày 31/12/2019	27.158.777.503	13.354.597.790	1.500.092.144	399.983.258	42.413.450.695
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2019	14.410.956.342	13.494.804.951	838.076.672	185.049.547	28.928.887.512
Tại ngày 31/12/2019	12.934.619.058	13.489.004.969	609.907.856	135.133.171	27.168.665.054

Đơn vị : VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

5.09 Tài sản cố định vô hình

	Đơn vị: VND	
	Phần mềm ứng dụng	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	133.780.000	133.780.000
Tăng trong năm	45.000.000	45.000.000
Mua trong năm	45.000.000	45.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	178.780.000	178.780.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	133.780.000	133.780.000
Tăng trong năm	4.500.000	4.500.000
Khấu hao trong năm	4.500.000	4.500.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	138.280.000	138.280.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại ngày 01/01/2019	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	40.500.000	40.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY
Số 478 Phố Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần dệt may Hưng Phát	-	-	142.692.930	142.692.930
Công ty TNHH TMDV Hoa Tiến	34.034.000	34.034.000	325.200.000	325.200.000
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Phát triển Phúc Thiên	245.190.000	245.190.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Đại Thành Công	86.141.000	86.141.000	-	-
Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt may	-	-	1.193.762.852	1.193.762.852
Cửa hàng hoá chất và thiết bị 40 Kim Ngưu	-	-	222.800.000	222.800.000
Phải trả người bán khác	385.074.832	385.074.832	573.314.462	573.314.462
Tổng	750.439.832	750.439.832	2.457.770.244	2.457.770.244

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH May và In 1 tháng 5	15.000.000	-
Công ty cổ phần chứng nhận VIETCERT	13.772.000	-
Công ty cổ phần Long Khai	-	10.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư K&G Việt Nam	-	637.015.501
Công ty TNHH dệt may DOKMA	-	15.000.000
Công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên Dệt 8/3	100.000.000	100.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	-	130.000.000
Khách hàng khác	17.413.961	107.329.286
Cộng	146.185.961	999.344.787

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	987.492.949	3.342.557.323	3.055.662.260	1.274.388.012
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	119.295.549	(114.932.794)	-	4.362.755
Thuế thu nhập cá nhân	330.462.522	756.397.287	872.102.660	214.757.149
Thuế đất, tiền thuê đất (**)	5.365.879.918	3.402.698.011	5.409.723.543	3.358.854.386
Thuế khác	-	8.400.487	8.400.487	-
Tổng	6.803.130.938	7.395.120.314	9.345.888.950	4.852.362.302

(*) Công ty được hưởng ưu đãi về Thuế TNDN trong lĩnh vực hoạt động, sản xuất kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ theo Nghị định số 13/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Công ty được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

(**) Tiền thuê đất phải nộp theo Thông báo số 238/TB-CCT-TBA ngày 04/01/2019 về việc thu tiền thuê đất, thuê mặt nước của Chi Cục thuế Quận 1 - Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh.

5.13 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Bảo hiểm xã hội	-	2.351.273
Bộ Công thương (kinh phí thu hồi các dự án)	5.922.070.000	5.922.070.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	-	161.700.000
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	66.237.459	104.737.459
Cộng	5.988.307.459	6.190.858.732

5.14 Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VND Cộng
Số dư 01/01/2019	50.000.000.000	426.096.346	50.426.096.346
Tăng trong năm	-	1.654.413.950	1.654.413.950
Lãi trong năm	-	1.539.481.156	1.539.481.156
Tăng khác (*)	-	114.932.794	114.932.794
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	50.000.000.000	2.080.510.296	52.080.510.296

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hoạt động từ ngày 10/10/2018 đến 31/12/2018 không phải nộp do Công ty được hưởng ưu đãi về Thuế TNDN trong lĩnh vực hoạt động, sản xuất kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ theo Nghị định số 13/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Vốn Nhà nước	2.872.700	57,45%	2.872.700	57,45%
Người lao động	256.300	5,13%	256.300	5,13%
Vốn góp của các cổ đông khác	1.871.000	37,42%	1.871.000	37,42%
Cộng	5.000.000	100%	5.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận, trích các quỹ

	Năm 2019 VND	Kỳ hoạt động từ 10/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tại đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	50.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.080.510.296	426.096.346

d. Cổ phiếu

	Năm 2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000

5.15 Nguồn kinh phí

	Năm 2019 VND	Kỳ hoạt động từ 10/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	6.895.815.588	5.558.056.123
Chi sự nghiệp	23.926.597.491	1.428.000.000
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	8.479.815.588	25.510.597.491

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Kỳ hoạt động từ 10/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Doanh thu bán thành phẩm hàng hóa	65.531.238.433	15.578.549.905
Cộng	65.531.238.433	15.578.549.905

6.02 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Kỳ hoạt động từ 10/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Giá vốn của hàng bán	51.626.856.955	13.032.324.526
Cộng	51.626.856.955	13.032.324.526

6.03 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Kỳ hoạt động từ 10/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Lãi tiền gửi	292.740.506	118.423.158
Cộng	292.740.506	118.423.158

6.04 Lợi nhuận khác

	Năm 2019 VND	Kỳ hoạt động từ 10/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Thu nhập khác	279.172.747	3.002.516
Thanh lý tài sản cố định	179.000.000	-
Thu nhập khác	100.172.747	3.002.516
Chi phí khác	419.079.874	25
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	169.902.150	-
Chi phí khác	249.177.724	25
Cộng	(139.907.127)	3.002.491

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

6.05 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Kỳ hoạt động từ 10/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.539.481.156	574.663.968
Điều chỉnh tăng/giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.539.481.156	574.663.968
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí Thuế TNDN hiện hành (*)	-	114.932.794
Tổng Chi phí Thuế TNDN	-	114.932.794

(*) Công ty được hưởng ưu đãi về Thuế TNDN trong lĩnh vực hoạt động, sản xuất kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ theo Nghị định số 13/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Công ty được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

7. THÔNG TIN KHÁC

7.01 Thông tin so sánh

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 10/10/2018. Số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu tại ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM. Số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu kỳ hoạt động từ ngày 10/10/2018 đến 31/12/2018 chỉ mang tính chất cung cấp thông tin, không mang tính chất so sánh thời kỳ.

7.02 Những thông tin khác

Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo Tài chính của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Phạm Hoàng Minh

Kế toán trưởng



Tổng Đức Quang

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Văn Lượng